

BÁO CÁO
Kết quả thực hiện công tác cải cách hành chính,
kiểm soát thủ tục hành chính năm 2017

Căn cứ Kế hoạch số 12835/KH-UBND của UBND tỉnh Đồng Nai ngày 29/12/2016 về thực hiện kế hoạch cải cách hành chính năm 2017.

Thực hiện công văn số 1300/SNV-CCHC ngày 01/06/2017 của Sở Nội vụ về việc thực hiện báo cáo cải cách hành chính, kiểm soát thủ tục hành chính định kỳ.

Sở Tài chính báo cáo kết quả công tác cải cách thủ tục hành chính, kiểm soát thủ tục hành chính năm 2017 như sau:

I. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH, KIỂM SOÁT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

1. Chỉ đạo, điều hành cải cách hành chính, kiểm soát TTTC

- Trên cơ sở các văn bản chỉ đạo của Chính phủ, Tỉnh ủy về thực hiện cải cách hành chính giai đoạn 2016-2020; công văn 1711/UBND-HCTC ngày 28/02/2017 của UBND tỉnh về việc triển khai nhiệm vụ cải cách hành chính đến cuối năm 2017, Sở Tài chính đã xây dựng, ban hành các kế hoạch về thực hiện công tác cải cách hành chính năm 2017 tại cơ quan như sau:

+ Công văn 176/STC-VP ngày 13/01/2017 về việc xây dựng đề án thành lập bộ phận một cửa cấp tỉnh;

+ Kế hoạch số 331/KH-STC ngày 20/01/2017 về cải cách hành chính năm 2017 của Sở Tài chính;

+ Kế hoạch số 332/KH-STC ngày 20/01/2017 về kiểm tra cải cách hành chính, kiểm soát thủ tục hành chính năm 2017 của Sở Tài chính;

+ Kế hoạch số 333/KH-STC ngày 20/01/2017 về thông tin tuyên truyền cải cách hành chính năm 2017 của Sở Tài chính;

+ Kế hoạch số 392/KH-STC ngày 20/01/2017 về rà soát, kiến nghị đơn giản hóa các quy định, thủ tục hành chính trọng tâm năm 2017 của Sở Tài chính;

+ Công văn 1059/STC-VP ngày 8/3/2017 về việc gửi, nhận văn bản điện tử trên phần mềm quản lý văn bản;

+ Quyết định 303/QĐ-STC ngày 27/6/2017 về việc kiện toàn bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Tài chính Đồng Nai;

+ Công văn số 3497/STC-VP ngày 03/07/2017; 4552/STC-VP ngày 28/08/2017 về việc phân công trực tại Trung tâm hành chính công tỉnh.

- Sở Tài chính tiếp tục tổ chức quán triệt, phổ biến tuyên truyền Nghị quyết 30c/NQ-CP ngày 08/11/2011 của Chính phủ về ban hành Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2011 - 2020; Quyết định số 469/QĐ-UBND ngày 14/02/2012 của UBND tỉnh ban hành Chương trình cải cách hành chính tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2011-2020; Quyết định 6493/QĐ-UBND ngày 27/7/2016 của UBND tỉnh về việc ban hành Kế hoạch Ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2016-2020; Chỉ thị số 15/CT-UBND ngày 04/8/2015 của UBND tỉnh về việc tăng cường trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan hành chính Nhà nước các cấp trong công tác cải cách hành chính giai đoạn 2015-2020 và các kế hoạch cải cách hành chính, kiểm soát thủ tục hành chính năm 2017 của UBND tỉnh cho đội ngũ cán bộ, công chức nhằm nâng cao nhận thức và vị trí vai trò, tầm quan trọng của công tác cải cách hành chính trong quá trình thực hiện nhiệm vụ. Qua đó đề cao tinh thần trách nhiệm, thái độ phục vụ nhân dân trong công tác giải quyết thủ tục hành chính.

- Các thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở được niêm yết công khai tại Trung tâm hành chính công tỉnh (từ ngày 15/5/2017), trên website Sở: <http://stc.dongnai.gov.vn> và trên trang dịch vụ công trực tuyến dùng chung của tỉnh Đồng Nai.

2. Về thanh tra, kiểm tra cải cách hành chính, kiểm soát TTHC

Công tác thanh tra công vụ, kiểm tra cải cách hành chính được chú trọng thực hiện; tiếp tục thực hiện các nội dung thanh tra, kiểm tra bám sát và tập trung vào thanh tra chức năng, nhiệm vụ của từng phòng, đơn vị; trách nhiệm người đứng đầu bộ phận, chức trách công vụ của công chức, giải quyết thủ tục hành chính.

Thực hiện các nội dung kiểm tra, rà soát theo kế hoạch số 332/KH-STC ngày 20/1/2017 về Kiểm tra cải cách hành chính và kiểm soát thủ tục hành chính của Sở Tài chính năm 2017.

Trong năm 2017, công tác kiểm tra CCHC tiếp tục được thực hiện như sau:

Nhiệm vụ	Tên đơn vị, bộ phận trực thuộc được thanh tra, kiểm tra	Thời gian thực hiện	Nội dung thanh tra, kiểm tra	Xử lý hoặc kiến nghị xử lý các vấn đề phát hiện qua thanh tra, kiểm tra
Cải cách hành chính	Các phòng thuộc Sở, Chi cục TCDN	Tháng 6/2017	Kiểm tra các nội dung tại Kế hoạch số 332/KH-STC ngày 20/1/2017	Kiến nghị sử dụng, xử lý trên phần mềm một cửa Egov đúng thời gian quy định
Kiểm soát TTHC	Các phòng thuộc Sở, Chi cục	Tháng 5/2017	Rà soát bộ TTHC thuộc thẩm quyền	Kiến nghị bãi bỏ 01 TTHC, cập nhật 01

Nhiệm vụ	Tên đơn vị, bộ phận trực thuộc được thanh tra, kiểm tra	Thời gian thực hiện	Nội dung thanh tra, kiểm tra	Xử lý hoặc kiến nghị xử lý các vấn đề phát hiện qua thanh tra, kiểm tra
	TCDN		giải quyết của ngành Tài chính	TTHC cấp huyện.
<i>Trường hợp kết hợp CCHC với KSTTHC</i>				

3. Về công tác tuyên truyền CCHC, kiểm soát TTHC

Thực hiện tuyên truyền các tin bài về Cải cách hành chính, đăng lên Cổng thông tin điện tử Sở Tài chính, trong đó đẩy mạnh tuyên truyền về việc thành lập và đi vào hoạt động của Trung tâm hành chính công tỉnh Đồng Nai.

Qua công tác tuyên truyền đã nâng cao nhận thức của cán bộ, công chức về trách nhiệm tổ chức thực hiện cải cách thủ tục hành chính, trọng tâm là thực hiện cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông hiện đại.

Tăng cường sự hiểu biết của người dân, tổ chức về cải cách hành chính, trọng tâm là cải cách thủ tục hành chính. Đồng thời, thúc đẩy người dân, tổ chức tham gia góp ý, hoàn thiện thủ tục hành chính, giám sát đội ngũ cán bộ công chức trong quá trình thực thi công vụ.

Nhiệm vụ	Nội dung tuyên truyền	Hình thức tuyên truyền	Số lượng	Đơn vị chủ trì, phối hợp
Cải cách hành chính	Tuyên truyền về việc thành lập và đi vào hoạt động Trung tâm Hành chính công tỉnh	Băng rôn, tờ rơi tại bộ phận một cửa, trang TTĐT của cơ quan		Văn phòng
	Tuyên truyền về Bộ thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tài chính, các dịch vụ công đang áp dụng.	Trang TTĐT của cơ quan		
Kiểm soát TTHC	Quyết định số 576/QĐ-BTC ngày 29/03/2017 của Bộ Tài chính	Phần mềm quản lý văn bản, công việc I-office		Văn phòng
<i>Trường hợp kết hợp CCHC với KSTTHC</i>				

4. Vai trò trách nhiệm người đứng đầu đơn vị

Chỉ đạo tăng cường công tác cải cách hành chính tại cơ quan, trọng tâm là kiểm tra giám sát các đơn vị phòng ban trong việc phối hợp thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn thuộc lĩnh vực phụ trách. Trong đó thực hiện rà soát các thủ tục hành chính và tham mưu ban hành các văn bản quy phạm pháp luật thuộc thẩm quyền của đơn vị, triển khai và thực hiện các nhiệm vụ của Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh phân công phụ trách.

Chỉ đạo các phòng chuyên môn tham mưu về mức phí và lệ phí thực hiện tại Trung tâm hành chính công tỉnh, tham mưu về công tác cải cách tài chính công

trên địa bàn tỉnh.

Chỉ đạo xây dựng kế hoạch nâng cao Chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công cấp tỉnh (PAPI) năm 2017.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH, KIỂM SOÁT TTHC

1. Ban hành, rà soát và tổ chức thực hiện văn bản quy pháp luật

a) Tham mưu ban hành văn bản pháp luật, cụ thể:

STT	Số hiệu/thời gian ban hành	Cơ quan ban hành	Đánh giá chung (kịp thời, phù hợp)	Ghi chú
1	Nghị quyết số 59/2017/NQ-HĐND ngày 07/7/2016	HĐND tỉnh	Kịp thời	
2	Nghị quyết số 59/2017/NQ-HĐND ngày 07/7/2016	HĐND tỉnh	Kịp thời	

b) Công tác kiểm tra, rà soát văn bản QPPL:

- Nhận thức được tầm quan trọng của công tác kiểm tra, rà soát hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật trong hoạt động quản lý, điều hành Sở Tài chính đã ban hành kế hoạch kiểm tra, rà soát, xử lý, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật của UBND tỉnh Đồng Nai năm 2017.

- Tiếp tục thực hiện công tác kiểm tra, xử lý, rà soát văn bản quy phạm pháp luật của Sở theo quy định hiện hành.

Nội dung	Số lượng văn bản kiểm tra, rà soát	Số lượng văn bản không phù hợp	Xử lý, kiến nghị xử lý	Ghi chú
Kiểm tra				
Rà soát				

c) Công tác tổ chức theo dõi thi hành pháp luật.

- Đã tiến hành đăng ký văn bản Quy phạm pháp luật trình Ủy ban nhân dân tỉnh năm 2017.

- Ban hành Kế hoạch số 577/KH-STC ngày 14/02/2017 về theo dõi thi hành pháp luật năm 2017

2. Cải cách thủ tục hành chính

2.1. Công tác kiểm soát TTHC

- Tiếp tục quán triệt, chỉ đạo thực hiện Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 06 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị 9 định số 20/2008/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2008 về tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính và các văn bản của Trung ương, Thông tư số 05/2014/TT-BTP ngày 07/02/2014 của Bộ

Tư pháp hướng dẫn, công bố, niêm yết TTHC và báo cáo về tình hình, kết quả thực hiện kiểm soát TTHC và các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn khác của UBND tỉnh, Sở Tư pháp về công tác kiểm soát thủ tục hành chính.

- Kết quả báo cáo và các biểu mẫu số 06a, 07a, 07g/BTP/KSTT/KTTH ban hành theo Thông tư số 05/2014/TT-BTP ngày 07/02/2014 của Bộ Tư pháp (đính kèm);

2.2. Thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông

2.2.1. Thực hiện cơ chế một cửa:

- Sở Tài chính đã phối hợp triển khai thực hiện việc tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm Hành chính công tỉnh: cử cán bộ tham gia vận hành tại Trung tâm, cán bộ tiếp nhận tại Sở; đăng ký danh mục TTHC thực hiện tại Trung tâm; rà soát các lưu đồ giải quyết TTHC.

- Hiện tại tất cả các thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tài chính đều được tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm Hành chính công tỉnh.

STT	Thủ tục hành chính, dịch vụ công	Tổng số		Thực hiện theo cơ chế một cửa		Cấu hình trên phần mềm Egov	
		Năm trước	Năm báo cáo	Năm trước	Năm báo cáo	Năm trước	Năm báo cáo
I	TTHC (tổng số)	12	11	12	11	12	11
II	Dịch vụ công (cụ thể):						
1	Tin học và thống kê	4	4	4	4	4	4
2	Đầu tư	1	1	1	1	1	1
3	Quản lý giá	4	3	4	3	4	3
4	Quản lý công sản	2	2	2	2	2	2
5	Hành chính sự nghiệp	1	1	1	1	1	1
Tổng							

2.2.2. Thực hiện cơ chế một cửa liên thông:

- Sở Tài chính hiện không có thủ tục hành chính thực hiện theo cơ chế một cửa liên thông.

2.2.3. Kết quả triển khai các giải pháp nâng cao hiệu quả thực hiện cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông

Qua kết quả đánh giá mức độ hài lòng của dân tại Trung tâm Hành chính công, tính đến thời điểm báo cáo thì công tác tiếp nhận và trả kết quả chưa phát sinh những trường nào không hài lòng; tỷ lệ hài lòng đạt 100%. Tuy nhiên, kết quả xử lý trên phần mềm Egov có một số hồ sơ trễ hạn do cán bộ tham gia vận hành chưa quen trên hệ thống.

3. Cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước

a) Rà soát vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức, biên chế:

- Tình hình triển khai các quy định của Chính phủ, các Bộ về tổ chức bộ máy, cụ thể:

Nội dung	Năm trước	Năm báo cáo
1. Số phòng, ban, chi cục thuộc Sở	8	8
2. Số đơn vị sự nghiệp thuộc Sở	0	0

- Thực hiện biên chế công chức, số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp:

Tổng số biên chế, số người làm việc trong đơn vị sự nghiệp, số lao động được giao			Tổng số đang thực hiện		
Biên chế hành chính		Số người làm việc trong đơn vị sự nghiệp	Biên chế hành chính		Số người làm việc trong đơn vị sự nghiệp
Biên chế	Hợp đồng lao động		Biên chế	Hợp đồng lao động	
91	8	0	90	7	0

- Tình hình triển khai thực hiện quy chế làm việc của đơn vị:

Trên cơ sở xác định chức năng, nhiệm vụ của các phòng chuyên môn, đơn vị thuộc Sở và cơ chế phối hợp công tác, các phòng đã thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ được giao với tinh thần trách nhiệm cao.

Nâng cao tính tự giác, tự chịu trách nhiệm của cán bộ công chức trong quá trình thực hiện chức năng, nhiệm vụ.

Xây dựng mối quan hệ công tác, làm việc trên cơ sở đoàn kết nội bộ, phối hợp, hỗ trợ lẫn nhau nhằm hoàn thành tốt nhiệm vụ chính trị, chuyên môn.

Tăng cường công tác phòng chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

Việc khen thưởng, kỷ luật cán bộ công chức, viên chức trong cơ quan được thực hiện theo quy định của Luật Cán bộ công chức, Luật Thi đua khen thưởng và quy định của pháp luật hiện hành.

b) Thực hiện tinh giản biên chế theo Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014 của Chính phủ:

Nội dung	Số lượng đề nghị	Số lượng được phê duyệt	Tỷ lệ
Công chức	0	0	0
Viên chức	0	0	0
Tổng			

c) Về thực hiện phân cấp quản lý

Việc phân cấp quản lý đã phát huy quyền hạn, trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, đơn vị trong việc quản lý, sử dụng tài sản nhà nước, trong phê duyệt, thẩm định hồ sơ đấu thầu mua sắm tài sản và trong kiểm soát giá trong mua, bán, thanh

lý, cho thuê, đi thuê tài sản nhà nước góp phần trang bị, mua sắm, sử dụng tài sản nhà nước hiệu quả, tiết kiệm

4. Xây dựng, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức

a) Thực hiện các quy định về quản lý cán bộ, công chức, viên chức

- Thực hiện các quy định quản lý cán bộ, công chức, viên chức:

Nội dung	Năm trước	Năm báo cáo (số lượng)			
		Quý I	Quý II	Quý III	Năm
Đối với Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng thuộc cấp sở, cấp huyện và tương đương					
Bổ nhiệm mới	6	2	0	0	2
Bổ nhiệm lại	0	0	0	0	0
Luân chuyển	0	0	0	0	0
Miễn nhiệm	2	0	0	0	0
Kỷ luật	0	0	0	0	0
Số lượng công chức, viên chức được tuyển dụng	0	0	0	5	5
Công chức	0	0	0	5	5
Viên chức	0	0	0	0	0

b) Về công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức: Kết quả thực hiện kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức:

Nội dung	Năm trước	Năm báo cáo			
		Quý I	6 tháng	Quý III	Năm
1. Số công chức hành chính được đào tạo					
Thạc sỹ trở lên	1	0	2	0	2
Cử nhân chính trị (bao gồm cao cấp)	2	0	2	0	2
Trung cấp (bao gồm trung cấp chính trị)	1	0	4	0	0
Lớp bồi dưỡng, tập huấn từ 05 ngày trở lên	23	4	7	9	20
Bồi dưỡng, tập huấn nghiệp vụ về cải cách hành chính	3	0	0	1	1
2. Viên chức sự nghiệp được đào tạo	0	0	0	0	0
Thạc sỹ trở lên					
Cử nhân chính trị (bao gồm cao cấp)					
Trung cấp (bao gồm trung cấp chính trị)					
Lớp bồi dưỡng, tập huấn từ 05 ngày trở lên					
Bồi dưỡng, tập huấn nghiệp vụ về cải cách hành chính					
3. Cán bộ, công chức cấp xã được đào tạo	0	0	0	0	0
Thạc sỹ trở lên					
Trình độ đại học (bao gồm cử nhân chính trị)					
Trung cấp chính trị					
Lớp bồi dưỡng, tập huấn từ 05 ngày trở lên					
Bồi dưỡng, tập huấn nghiệp vụ về cải cách hành chính					

5. Cải cách tài chính công

Kết quả thực hiện cơ chế tự chủ theo Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005 và Nghị định 117/2013/NĐ-CP; Nghị định số 16/2015/NĐ-C ngày 24/4/2015, Nghị định số 141/2016/NĐ-CP ngày 10/10/2016; Nghị định số 54/2016/NĐ-CP ngày 14/6/2016:

Thực hiện Nghị định số 130/2005/NĐ-CP		Thực hiện Nghị định số 16/2015/NĐ-CP			
Tổng số cơ quan/đơn vị trực thuộc	Đã thực hiện	Tổng số đơn vị sự nghiệp công lập	Đã thực hiện	Tổng số đơn vị sự nghiệp đủ điều kiện vận dụng cơ chế tài chính như doanh nghiệp	Số đơn vị sự nghiệp được phê duyệt Đề án vận dụng cơ chế tài chính như doanh nghiệp
1	1	0	0	0	0

Trong năm 2017, nhằm tăng số đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư, Sở Tài chính đã thực hiện các công việc sau:

- Ban hành văn bản số 1045/STC-TCHCSN ngày 08/3/2017 về việc thực hiện đánh giá lại cơ chế tự chủ của các đơn vị sự nghiệp công lập

- Ban hành văn bản số 1383/STC-TCHCSN ngày 27/3/2017 về việc hướng dẫn thêm thực hiện đánh giá lại cơ chế tự chủ của các đơn vị sự nghiệp công lập và đề xuất sử dụng nguồn thực hiện cải cách tiền lương còn dư lớn.

- Ban hành văn bản số 1798/STC-TCHCSN ngày 18/4/2017 về việc đơn đốc đánh giá lại cơ chế tự chủ của các đơn vị sự nghiệp công lập.

- Ban hành Tờ trình số 2526/TTr-STC ngày 22/05/2017 về tiến độ thực hiện đánh giá lại phương án tự chủ của các đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh.

- Ban hành văn bản số 4719/STC-TCHCSN ngày 06/9/2017 về việc báo cáo tình hình thực hiện Quyết định số 1450/QĐ-UBND ngày 17/5/2016 của UBND tỉnh Ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Nghị định số 16/2015/NĐ-CP.

- Tổ chức hội nghị thảo luận dự thảo Tờ trình giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tài chính cho các đơn vị sự nghiệp công lập khối tỉnh theo văn bản số 5854/STC-TCHCSN ngày 27/10/2017.

- Góp ý, thẩm định danh mục dịch vụ sự nghiệp công, định mức kinh tế kỹ thuật trong các lĩnh vực công thương, tài nguyên & môi trường, văn hóa thể thao du lịch, nông nghiệp & phát triển nông thôn.

- Dự kiến trong tháng 11/2017, Sở Tài chính sẽ trình UBND tỉnh giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tài chính cho các đơn vị sự nghiệp công lập khối tỉnh.

Trong năm 2017 số lượng đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện cơ chế quản lý tài chính như doanh nghiệp là 0 đơn vị do không có đơn vị nào tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư. Dự kiến trong năm 2018, có 4 đơn vị trên địa bàn tỉnh thỏa mãn 5/5 điều kiện để nâng mức tự chủ tài chính lên thực hiện cơ chế quản lý tài chính như doanh nghiệp.

6. Hiện đại hóa hành chính

a) Ứng dụng CNTT trong hoạt động của đơn vị

- Kết quả sử dụng phần mềm quản lý văn bản - điều hành công việc để xử lý, giải quyết công việc:

Số T T	Cơ quan đơn vị	Số văn bản			Số văn bản điện tử			Tỷ lệ văn bản điện tử/tổng số văn bản	Công chức, viên chức sử dụng phần mềm quản lý văn bản để quản lý, điều hành, xử lý công việc			Ghi chú
		Tổng	Gửi	Nhận	Tổng	Gửi	Nhận		Tổng số ccvc	Số ccvc sử dụng	Tỷ lệ	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
1	Sở Tài chính	25536	7403	18133	24401	7403	16998	95,6%	104	97	93%	Trừ nhân viên lái xe, tạp vụ
Tổng												

(Ghi chú: Cột (1): Cấp sở: Bao gồm Khối văn phòng và các đơn vị trực thuộc; UBND cấp huyện: Các phòng, ban chuyên môn thuộc UBND cấp huyện. Cột (9) = Cột (6)/Cột (3) x 100. Cột (12) = Cột (11)/Cột (10) x 100).

- Kết quả ứng dụng chữ ký số, chứng thư số để xác thực văn bản điện tử trên phần mềm quản lý văn bản - điều hành công việc và phần mềm một cửa điện tử để giải quyết hồ sơ hành chính cho người dân, doanh nghiệp:

STT	Tiêu chí	Năm (Quý) trước	Năm (Quý) báo cáo	
			Số lượng	Tỷ lệ
1	Số lượng cán bộ, công chức lãnh đạo, quản lý sử dụng chữ ký số, chứng thư số	0	0	
2	Số lượng cán bộ, công chức lãnh đạo, quản lý sử dụng chữ ký số, chứng thư số do Ban Cơ yếu Chính phủ cấp	0	0	

- Kết quả triển khai dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 theo lộ trình trong kế hoạch cải cách hành chính và các chỉ đạo của tỉnh:

TT	Tên thủ tục hành chính, dịch vụ công	Tổng số hồ sơ đã tiếp nhận	Dịch vụ công mức độ 3		Dịch vụ công mức độ 4	
			Số hồ sơ thực hiện mức độ 3	Tỷ lệ	Số hồ sơ thực hiện mức độ 4	Tỷ lệ
1	Đăng ký mã số đơn vị có quan hệ với ngân sách cho dự án đầu tư giai đoạn chuẩn bị đầu tư	194	109	56,1%		
2	Đăng ký mã số đơn vị có quan hệ với ngân sách cho các dự án đầu tư giai đoạn thực hiện dự án	163	22	13,5%		
3	Đăng ký thay đổi thông tin về mã số đơn vị có quan hệ với ngân sách	2	0	-		

TT	Tên thủ tục hành chính, dịch vụ công	Tổng số hồ sơ đã tiếp nhận	Dịch vụ công mức độ 3		Dịch vụ công mức độ 4	
			Số hồ sơ thực hiện mức độ 3	Tỷ lệ	Số hồ sơ thực hiện mức độ 4	Tỷ lệ
4	Đăng ký chuyển giao đoạn dự án đầu tư	3	0	-		
5	Đăng ký giá của các doanh nghiệp thuộc phạm vi Sở Tài chính	47	1	2%		
Tổng số:						

b) Chất lượng trang thông tin điện tử của đơn vị, cụ thể:

STT	Nội dung	Thông tin kịp thời	Đầy đủ thông tin	Thuận tiện truy cập, khai thác thông tin
1	Chất lượng trang thông tin điện tử	Đạt	Đạt	Đạt

c) Triển khai Hệ thống quản lý chất lượng ISO, ISO điện tử trên cơ sở ứng dụng CNTT sử dụng các phần mềm hiện có kết hợp với các ưu điểm của Hệ thống quản lý chất lượng trong hoạt động của các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước.

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Những mặt tích cực.

- Công tác xây dựng và tổ chức triển khai thực hiện các kế hoạch cải cách hành chính theo đúng chỉ đạo của cấp trên.

- Việc tiếp nhận và trả kết quả thủ tục hành chính tại Trung tâm Hành chính công được thực hiện đúng theo quy định và lộ trình của tỉnh. Các thủ tục hành chính được giải quyết đúng thời gian, hiệu quả, đảm bảo sự hài lòng của người dân và doanh nghiệp.

- Việc ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác chỉ đạo, điều hành luôn được quan tâm và thực hiện tốt.

- Công tác xây dựng, nâng cao trình độ, năng lực của cán bộ, công chức được chú trọng, quan tâm thực hiện.

2. Những tồn tại, hạn chế trong thực hiện CCHC, kiểm soát TTHC

- Trong năm 2017 mặc dù công tác tuyên truyền cải cách hành chính luôn được thực hiện thường xuyên, tuy nhiên các tổ chức, người dân vẫn chưa quen với việc sử dụng các dịch vụ công trực tuyến mức độ 3. Do đó tỷ lệ nộp hồ sơ trực tuyến chưa cao.

IV. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ TRONG THỜI GIAN TỚI

- Nghiên cứu, rà soát và triển khai dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 đối với các thủ tục hành chính còn lại để nâng cao chất lượng, hiệu quả giải quyết thủ tục hành chính cho người dân và doanh nghiệp.

- Ứng dụng hơn nữa công nghệ thông tin vào công tác cải cách hành chính.
- Tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả cơ chế một cửa; thường xuyên kiểm tra chỉ đạo, tổ chức thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính trong nội bộ Sở.
- Tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính, không để xảy ra trường hợp CBCC những nhiều, gây phiền hà cho người dân khi đến giải quyết các thủ tục hành chính.

Trên đây là nội dung báo cáo kết quả thực hiện công tác cải cách hành chính, kiểm soát thủ tục hành chính năm 2017 của Sở Tài chính. Đề nghị Sở Nội vụ tổng hợp báo cáo UBND tỉnh./

Nơi nhận: *Van*

- Sở Nội vụ;
- Sở Tư pháp;
- Các phòng thuộc Sở
- BGD Sở;
- Lưu VT, VP.



Huỳnh Thanh Bình



PHỤ LỤC 4: CẢI CÁCH TÀI CHÍNH CÔNG

(kèm theo báo cáo số 661 /BC-STC ngày 14 tháng 11 năm 2017 của Sở Tài chính)

STT	Tiêu chí	Tổng số	Chia theo cấp hành chính		Tỷ lệ % (so với Kế hoạch năm đề ra)	Ghi chú
			Cấp tỉnh	Cấp huyện		
1.	Số lượng cơ quan hành chính thực hiện cơ chế khoán biên chế và kinh phí hành chính theo Nghị định số 130/2005/NĐ-CP và Nghị định số 117/2013/NĐ-CP	162	21	141	100%	
2.	Số lượng các đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện cơ chế tự chủ theo Nghị định số 16/2015/NĐ-CP; Nghị định số 141/2016/NĐ-CP; Nghị định số 54/2016/NĐ-CP;...	754	163	591	100%	
3.	Số đơn vị sự nghiệp được phê duyệt Đề án vận dụng cơ chế tài chính như doanh nghiệp theo Nghị định số 16/2015/NĐ-CP.	0	0	0		

Biểu mẫu số 06a/BTP/KSTT/KTTH

KẾT QUẢ XỬ LÝ PHẢN ÁNH, KIẾN NGHỊ VỀ QUY ĐỊNH HÀNH CHÍNH THEO THẨM QUYỀN

(Từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 đến ngày 13 tháng 11 năm 2017)

Đơn vị tính: Số phản ánh, kiến nghị

Ngành, lĩnh vực có PAKN	Phân loại PAKN				PAKN kỳ trước chuyển qua			PAKN mới tiếp nhận trong kỳ báo cáo			
	Tổng số	Chia ra			Thuộc thẩm quyền			Kết quả xử lý			
		Số PAKN về hành vi hành chính	Số PAKN về nội dung quy định hành chính	Số PAKN cả về Hvi hành chính và quy định hành chính	Tổng số	Chia ra		Tổng số	Chia ra		
						Đang xử lý	Đã xử lý xong		Đang xử lý	Đã xử lý xong	Không thuộc thẩm quyền
A	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
Không phát sinh											

* Ghi chú: Tổng số ước tính 02 tháng cuối trong kỳ báo cáo (đối với báo cáo 6 tháng và báo cáo năm lần 1):
 Cột 1.....; Cột 5.....; Cột 8.....; Cột 11.....

Biểu mẫu số 07a/BTP/KSTT/KTTH

**TÌNH HÌNH, KẾT QUẢ GIẢI QUYẾT TTHC TẠI CƠ QUAN, ĐƠN VỊ
TRỰC TIẾP GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH**

(Từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 đến ngày 13 tháng 11 năm 2017)

Đơn vị tính: Số hồ sơ TTHC

STT	Lĩnh vực, công việc giải quyết theo cấp	Số hồ sơ nhận giải quyết			Kết quả giải quyết						Ghi chú
		Tổng số	Trong đó		Số hồ sơ đã giải quyết			Số hồ sơ đang giải quyết			
			Số kỳ trước chuyển qua	Số mới tiếp nhận	Tổng số	Trả đúng thời hạn	Trả quá hạn	Tổng số	Chưa đến hạn	Quá hạn	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
1	Tin học và thống kê	362	0	362	359	344	15	3	3	0	
2	Đầu tư	66	9	57	63	55	8	3	2	1	
3	Quản lý giá	58	0	58	49	47	2	9	9	0	
4	Quản lý công sản	4	0	4	4	4	0	0	0	0	
5	Hành chính sự nghiệp	283	22	261	268	211	57	15	15	0	
	Tổng số	773	31	742	743	661	82	30	29	1	

Biểu mẫu số 07g/BTP/KSTT/KTTH

**NGUYÊN NHÂN QUÁ HẠN ĐỐI VỚI CÁC TRƯỜNG HỢP TỒN ĐỘNG
TRONG GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH**

(Từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 đến ngày 13 tháng 11 năm 2017)

I. TỔNG HỢP NGUYÊN NHÂN QUÁ HẠN

Đơn vị tính: Số hồ sơ TTHC

STT	Lĩnh vực, công việc giải quyết	Số lượng hồ sơ	Nguyên nhân quá hạn	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1	Tin học và thống kê	15	Do chậm xử lý trên hệ thống phần mềm một cửa (Hồ sơ thực tế trả đúng thời hạn)	
2	Đầu tư	9		
3	Quản lý giá	2		
4	Hành chính sự nghiệp	57		
	Tổng số	84		